

Phú Lợi, ngày 25 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KHỐI MẦM-NT
NĂM HỌC: 2025-2026

Căn cứ kế hoạch giáo dục của chuyên môn trường Mầm non Hoa Phượng. Tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động giáo dục của tổ năm học 2025- 2026 như sau:

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG VỀ GIÁO VIÊN

-Đội ngũ, số lượng GV trong khối:-

Đối tượng	Tổng số	Nữ	Đảng viên	Trình độ			Tin học		Ngoại ngữ		Chính trị	
GV	8	8	7	ĐH	CD	TC	A	B	A	B	SC	TC
				7		1	5	3	1	7	6	1

- Quy mô nhóm - lớp - trẻ

- Tổng số lớp: 4 lớp, tổng số trẻ: 83/44
- + Nhóm: 24/11
- + Mầm 1: 20/10
- + Mầm 2: 20/11
- + Mầm 3: 19/12

PHẦN II: MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC

I. Mục tiêu chung:

1. Nhà trẻ: Gồm 4 lĩnh vực

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ. - Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi. - Có một số tố chất vận động ban đầu (nhANH NHẸN, khéo léo, thăng bằng cơ thể) - Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay. - Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
2. Phát triển	- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.

nhận thức:	- Có sự nhạy cảm của các giác quan. - Có khả năng quan sát, nhận xét ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu hỏi đơn giản. - Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói. - Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ. - Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu. - Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói. - Hồn nhiên trong giao tiếp.
4. Phát triển tình cảm xã hội và thẩm mỹ:	- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi. - Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi. - Thực hiện được một số qui định đơn giản trong sinh hoạt. - Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, nặn, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

.2/ Mầm: Gồm 5 lĩnh vực

1. Phát triển thể chất:	- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. - Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ. - Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế: Đi, chạy, bò, tung, ném... - Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian. - Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay: - Có một số hiểu biết về thực phẩm và lợi ích của việc ăn uống đối với sức khỏe. - Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân.
2. Phát triển nhận thức:	- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có khả năng quan sát, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định. - Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau. - Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu. - Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.
3. Phát triển ngôn ngữ:	- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày. - Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...) - Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày. - Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại chuyện.

	- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi. - Có một số kĩ năng ban đầu đọc và viết.
4. Phát triển thẩm mỹ:	- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật. - Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình. - Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; - có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.
5. Phát triển tình cảm xã hội:	- Có ý thức về bản thân. - Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh. - Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực. - Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ. - Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

II. Mục tiêu và nội dung giáo dục cụ thể:

2.1/Nhóm 25-36 tháng:

LĨNH VỰC	STT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC	NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC
PT THỂ CHẤT	1	- Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
	2	- Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có mang vật trên tay. Bước lên xuống bậc có vịn.	* Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh - Đi theo hiệu lệnh đi đều. - Đi trong đường hẹp - Đi có bê vật trên tay - Đứng co một chân - Bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy.

			- Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng - Bước lên xuống bậc cao 15cm (5-7 bậc). - Lên xuống bậc có vịn.
	3	- Phối hợp, tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn, trèo .	* Tập bò, trườn, trèo: - Bò thẳng hướng theo đường hẹp (2 lần) - Bò thẳng hướng có vật trên lưng.(2 lần) - Bò chui qua cổng.(2 lần) - Bò, trườn qua vật cản (có thể cho bò theo đường ngoằn ngoèo). (2 lần)
	4	- Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động tung, ném, bắt	* Tập tung, ném, bắt: -Tung bóng bằng 2 tay -Tung bóng qua dây - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng trúng đích.(70-100cm) (2 lần) -Tung - bắt bóng cùng cô ở khoảng cách 1,2 m -1,5 m. (2 lần) -Bước qua vật cản, ném qua dây (2 lần)
	5	- Thực hiện phối hợp vận động Nhún, bật	* Tập nhún, bật: - Nhún bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ - Bật qua các vòng - Nhún bật về phía trước - Bật xa bằng 2 chân
	6	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé.
	7	- Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay - mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cời cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6 – 8 khối - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
		- Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống, thích nghi với	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.

	8	chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Tập luyện nên nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Dọn chén, muỗng, ly sau khi ăn, uống
	9	- Ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa
	10	- Thói quen tốt về vệ sinh cá nhân	- Có nề nếp khi lau mặt, rửa tay - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Thói quen lau mặt, rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi bị bắn - Biết gọi cô khi có mũi, khi bị ướt, bắn - Không ngậm tay vào miệng. - Thói quen tắm rửa hàng ngày. - Khi ho, ngáp biết lấy tay che miệng.
	11	- Thói quen tốt về công việc tự phục vụ. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh...)	* Tập tự phục vụ: - Tự xúc cơm ăn, lấy ca uống nước. - Tự mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bắn, bị ướt. - Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản rửa tay, lau mặt với sự giúp đỡ của người lớn.
	12	- Biết tự bảo vệ bản thân trước sự thay đổi của thời tiết (có sự nhắc nhở)	- Biết đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc áo ấm khi trời lạnh.
	13	Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	- Không chạy chơi trên lòng đường - Không chơi gần ao, hồ, giếng... - Tránh nơi bếp đang đun, phích nước nóng, xô đựng nước...
	14	- Nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Không leo trèo lên lan can khi được nhắc nhở. - Không chơi nghịch các vật sắc nhọn
PT NHẬN THỨC	15	Luyện tập các giác quan, phối hợp các giác quan	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con

			vật quen thuộc.
	16	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng, mềm, trơn (nhẵn)- xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt-mặn - chua)
	17	Nhận biết một số bộ phận cơ thể	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân. -Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.
	18	- Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên cô giáo, các bạn trong nhóm/lớp. - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.
	19	Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp - Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
	20	- Trẻ nhận biết một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng ,vị trí trong không gian.	- Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước to-nhỏ. - Hình tròn-hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước-sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một-nhiều.
	21	Nhận biết bản thân mình	Trẻ biết gọi tên mình, tên gọi của những người gần gũi và công việc của họ
	22	Nhận biết những người thân	Trẻ biết tên gọi của những người

		gân gửi	gân gửi và công việc của họ
	23	Nhận biết công việc của người thân	Trẻ biết công việc của ba mẹ, ông bà, anh, chị
	24	Nhận biết một số rau, hoa, quả, rau quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của rau, hoa, quả quen thuộc.
	25	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng một số loại hoa, quả, rau củ: đặc điểm, môi trường sống, lợi ích...	- Nhận biết, chỉ và gọi đúng tên, đặc điểm các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết, các loại quả, rau củ quen thuộc. - Nhận biết được các loại hoa có gai, có mủ độc - Nhận biết được các loại quả không ăn được - Nhận biết được các loại rau không ăn được
	26	- Trẻ nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, kích thước của các loại hoa, quả, rau	Nhận biết và phân biệt đúng, gọi đúng tên màu sắc, sắc của các loại hoa, quả và các loại rau củ
	27	- Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, các bộ phận của một số loại hoa, quả, rau củ gần gũi với trẻ	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa ngày tết: hoa hồng, hoa mai, hoa đào, hoa đào, hoa sen, lay ơn, đồng tiền... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...
	28	Nhận biết một số con vật quen thuộc	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật quen thuộc.
	29	- Trẻ nhận biết, chỉ và nói đúng tên gọi, đặc điểm, các	- Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích,

		bộ phận, môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay.	công dụng và môi trường sống của các con vật nuôi trong gia đình: gà, vịt, chó, mèo, bò, thỏ, lợn - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống trong rừng: gấu, voi, khỉ, hổ - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật sống dưới nước: cá, tôm, cua, ốc - Tên gọi, đặc điểm, hình dạng, kích thước, các bộ phận, lợi ích, công dụng và môi trường sống của các con vật có cánh biết bay: chim, ong, bướm ...
	30	- Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước và màu sắc của các con vật	- Chọn đúng kích thước to – nhỏ, màu sắc xanh, đỏ, vàng của các con vật
	31	- Trẻ nhận biết được các con thú dữ, không lại gần và không chọc phá chúng	- Nhận biết các con vật nguy hiểm để tránh xa, những con vật có ích, con vật có hại.
	32	Nhận biết một số phương tiện giao thông	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
	33	- Trẻ biết tên gọi của một số phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy, đường không và một số luật lệ giao thông đơn giản.	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: thuyền, tàu thủy, ghe... - Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện: máy bay, tàu hỏa...
	34	- Trẻ nhận biết một số phương tiện giao thông quen	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông

		thuộc.	gắn gũi. - Trẻ nhận biết và phân biệt được kích thước, hình dạng, cấu tạo và màu sắc của 1 số phương tiện giao thông đường bộ.
	35	- Trẻ nhận biết một số luật giao thông đơn giản	Biết thực hiện một số luật giao thông đơn giản
	36	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của mùa hè	-Nhận biết và phân biệt tên gọi, đặc điểm đặc trưng của mùa hè - Biết mùa hè nóng nực ra đường bé biết đội nón, khi mưa biết mặc áo mưa.
	37	- Trẻ biết đặc điểm đặc trưng của một số hoạt động của lớp mẫu giáo	-Nhận biết đặc điểm đặc trưng của một số hoạt động ở lớp mẫu giáo
	38	- Diễn đạt được hiểu biết bằng những câu nói đơn giản	- Biết diễn đạt sự hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng xung quanh.
PT NGÔN NGỮ	39	Nghe các âm thanh	Nghe các âm thanh khác nhau của đồ vật, con vật, hiện tượng thiên nhiên
	40	Bắt chước các âm thanh	Bắt chước tiếng kêu các đồ vật, con vật, hiện tượng thiên nhiên.
	41	- Nghe và thực hiện theo lời nói	-Trẻ biết lắng nghe và thực hiện yêu cầu của cô theo khả năng. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?
	42	-Nghe lời nói và cảm nhận với sắc thái tình cảm khác nhau	- Trẻ biết chú ý lắng nghe và cảm nhận thông qua một số biểu cảm gương mặt, lời nói.
	43	Trò chuyện cùng cô và các bạn	- Biết diễn đạt câu đơn 3 -4 từ. - Nói trọn câu 3 -4 từ. - Phát âm các âm khác nhau. - Diễn đạt được bằng lời nói các yêu cầu đơn giản. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì? Làm gì? để làm gì? ở đâu? Như thế nào?

		- Trẻ biết sử dụng một số từ quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
	44	- Trẻ biết nghe cô và các bạn đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát.
	45	- Trẻ biết đọc thơ, ca dao, hát các bài về chủ đề	- Trẻ đọc các bài thơ, bài đồng dao, kể chuyện, hát các bài về chủ đề theo sự hướng dẫn của cô.
	46	- Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết trả lời các câu hỏi của cô.	- Biết trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3,4 tiếng. - Trẻ hát thuộc bài hát ngắn. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
	47	- Trẻ biết diễn đạt câu ngắn, câu dài.	- Trả lời các câu hỏi của cô, nói trọn câu. - Phát âm đúng, rõ lời - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1,2 câu đơn giản và câu dài, kết hợp với cử chỉ.
	48	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, môi trường sống của các con vật.	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, lợi ích của các con vật nuôi trong gia đình, các con thú sống trong rừng, các con vật sống dưới nước và các con vật có cánh biết bay
	49	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, lợi ích của một số hoa, quả, rau mà trẻ biết	- Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi hương, môi trường sống của các loại hoa, hoa đặc trưng ngày tết. - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, mùi vị, môi trường sống của các loại quả: bưởi, hồng, nho, cam, dưa hấu, mận, đu đủ... - Tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, màu sắc, hình dạng, kích thước, dinh dưỡng của một số loại rau, củ: rau cải, rau muống, cà chua, cà rốt, củ cải, quả đậu, rau dền, rau ngót...

	50	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, cấu tạo của các phương tiện giao thông.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện tàu hoả, máy bay... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại phương tiện thuyền, tàu thuỷ, ghe... - Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm, các bộ phận, kích thước, màu sắc của các loại xe: xe đạp, xe máy, xích lô, xe buýt, xe tải, xe con...
	51	- Biết diễn đạt câu ngắn 5 - 6 từ, trả lời trọn câu, trả lời được các câu hỏi của cô, phát âm rõ.	- Trả lời các câu hỏi của cô, trọn câu về tên gọi, đặc điểm của các loại hoa, quả, rau củ, phương tiện giao thông.
	52	- Biết diễn đạt trọn câu đơn 5 -6 từ, trả lời trọn câu, đủ nghĩa các câu hỏi của cô.	- Trẻ nói đúng tên gọi, đặc điểm của mùa hè, lớp mẫu giáo ...
	53	- Trẻ biết lắng nghe cô kể chuyện với các sắc thái, biểu cảm giọng điệu khác nhau	Lắng nghe và quan sát biểu cảm của cô giáo, trả lời câu hỏi đơn giản và kể lại câu chuyện theo sự gợi ý của cô giáo.
	54	- Trẻ nắm được nội dung bài thơ, câu chuyện và biết kể lại câu chuyện theo tranh.	- Trẻ nhớ nội dung và kể được chuyện theo tranh, biết minh hoạ động tác theo nội dung thơ, chuyện - Trẻ đọc thuộc cả bài thơ, hát thuộc bài hát, biết kể chuyện theo cô, biết trả lời các câu hỏi của cô. Nói trọn câu 5 - 6 từ, đủ nghĩa.
	55	- Đọc truyện với trẻ hằng ngày	-Trẻ biết nghe cô đọc truyện, đoán xem điều gì sẽ xảy ra kế tiếp. - Thích thú khi cô thay tên nhân vật bằng tên trẻ. -Nói về các hình ảnh minh họa
	56	- Trẻ biết làm quen với sách qua sự hướng dẫn của cô.	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. -Biết thay tên nhân vật bằng tên

			mình. - Kể lại các đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
	57	Trẻ biết “xem sách”	- Trẻ biết lật sách, làm quen với sách. - Trẻ khám phá quyển sách
PT TC, KNXH & TM	58	Phát triển tình cảm - Cháu biết yêu thương kính trọng, vâng lời ba mẹ, người thân, các cô ,các bác trong trường. Biết tự tin trong giao tiếp.	- Cháu thể hiện lễ giáo qua các hoạt động hàng ngày. - Yêu thương, kính trọng, lễ phép với mọi người. - Chủ động chào khách khi có khách đến lớp, mạnh dạn trả lời các câu hỏi
	59	- Biết chào hỏi người lớn khi đến lớp, ra về, biết thực hiện một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện tốt các mặt lễ giáo: chào hỏi khi đến lớp và ra về.
	60	- Trẻ biết ý thức về bản thân	- Nhận biết một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình. - Không nghịch của bạn, đi học không khóc nhè, không đánh cắn bạn. - Thực hiện yêu cầu đơn giản trong sinh hoạt của giáo viên.
	61	Trẻ biết một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “dạ”, “vâng ạ”, chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm/lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.
	62	- Biết thể hiện mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.	- Chơi xong cất đúng nơi qui định. Biết phụ giúp cô và bạn xếp gọn đồ chơi sau khi chơi. Không đập phá đồ dùng đồ chơi. Không tranh

		giành đồ chơi với bạn. - Tập sử dụng đồ dùng đồ chơi. - Quan tâm đến các vật nuôi.
63	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi...	-Xem tranh ảnh các khuôn mặt thể hiện các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi. -Soi gương và thể hiện các trạng thái cảm xúc. -Tô màu, dán các khuôn mặt biểu cảm khác nhau. -Chơi các trò chơi giả bộ sắm vai.
64	Phát triển kỹ năng xã hội	-Trẻ bắt chước một số hành vi giao tiếp xã hội đơn giản như chào tạm biệt cảm ơn, một số hành động thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi -Dạy trẻ học cách giao tiếp thông qua trò chuyện
65	Giáo dục mối quan hệ tích cực với con người và sự vật, gần gũi xung quanh.	-Cho trẻ xem sách truyện, tranh ảnh và nghe kể chuyện một số hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản. - Trẻ được quan sát các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao về tình cảm gia đình, bạn bè, cô giáo -Tham gia các ngày lễ ở trường mầm non
66	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ -nghe hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và vận động đơn giản theo nhạc. - Làm quen với bài hát và các động tác vận động theo nhạc.
67	Phát triển cảm xúc thẩm mỹ -Tô màu, vẽ, nặn, xé dán, xếp hình	-Làm quen với đất nặn, cách cầm bút phấn - Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu hoa, xếp hình,

		nặn, tô màu, xé dán... - Tô màu và xé dán khéo léo. -Biết tạo ra các sản phẩm từ đất nặn. -Xếp hình từ các khối, tranh ảnh đơn giản tạo ra sản phẩm hoàn chỉnh
68	- Trẻ biết vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh. - Không nghịch của bạn, chơi xong cất đúng qui định.	- Thực hiện được các yêu cầu của cô: vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh. - Giữ gìn sản phẩm, không tranh giành đồ chơi với bạn
69	Xem tranh truyện	-Trẻ thoải mái xem tranh truyện cùng cô và các bạn. -Trẻ nhìn vào sách và lật từng trang. -Trẻ nói về nhân vật, hoạt động trong tranh
70	Kể chuyện, minh họa bằng rối, đồ chơi.	-Trẻ trả lời được các câu hỏi, thể hiện cảm xúc khi nghe kể chuyện.
71	- Cháu không chọc phá vật nuôi, nhắc ba mẹ chăm sóc chúng, không lại gần và chọc phá thú dữ và chó mèo lạ	- Biết yêu quý vật nuôi, không chọc phá chúng
72	- Cháu biết bảo vệ, chăm sóc hoa và cây, con vật, không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.	- Biết thể hiện tình cảm của mình với môi trường xung quanh: không ngắt hái hoa bẻ cành, không hái quả non, không chọc phá con vật.
73	- Không xả rác, biết bỏ rác đúng nơi qui định	- Rèn luyện thói quen, hành vi không xả rác, bỏ rác đúng nơi quy định.
74	- Biết tạo ra sản phẩm từ hoa và cây	- Thực hiện được các yêu cầu của cô khéo léo: xâu quả, xếp hình, nặn, tô màu, xé dán...
75	- Cháu biết thực hiện một số luật lệ giao thông đơn giản, không chơi ở lòng đường, khi được ngồi trên các phương	- Không chơi ở lòng đường xe chạy, không đùa nghịch trên xe. Khi đi xe máy phải đội nón bảo hiểm. Trẻ biết thực hiện 1 số luật

		tiện giao thông, không đùa nghịch.	giao thông đơn giản
--	--	------------------------------------	---------------------

2.2/ Khối Mầm:

4	STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục
Phát triển thể chất	1	- Biết bắt đầu và kết thúc động tác bài tập thể dục sáng đúng nhịp.	- Thực hiện các động tác thể dục sáng ngoài trời.
	2	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể, giúp trẻ phát triển các tố chất nhanh nhẹn, dẻo dai và sức mạnh cơ bắp của chân, khả năng cân bằng và kiểm soát vận động.	- Đi kiềng gót liên tục 3m - Đi thay đổi theo tốc độ hiệu lệnh - Đi theo đường đích dắc - Đi trong đường hẹp. - Đi trong đường hẹp, đầu đội túi cát - Đi theo đường hẹp, nhảy qua mương - Đi ngang bước dồn. - Đi trong đường hẹp, bật xa 30 cm
	3	-Phát triển phối hợp vận động và các giác quan, sự khéo léo.	- Chạy theo đường thẳng - Chạy theo trò chơi “Tín hiệu” - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Chạy theo đổi hướng theo đường đích dắc
	4	- Phát triển sự phối hợp vận động của các bộ phận cơ thể,sức mạnh cơ bắp của chân, khả năng cân bằng và kiểm soát vận động.	-Bật nhảy tại chỗ -Bật tiến về phía trước. - Bật qua dây - Bật xa 25 cm - Bật sâu 15 cm.
	5	Các vận động bò, trườn giúp trẻ rèn luyện, phát triển khéo léo các vận động của cơ thể và khả năng vận động dẻo dai	- Trườn về phía trước - Bò trườn theo hướng thẳng, - Bò trườn chui dưới dây (cổng). - Bò theo đường đích dắc - Bò trong đường hẹp (3x0,4m) không chệch ra ngoài. - Bước lên bật xuống bậc cao 30 cm.
	6	- Phối hợp tay - mắt, sức mạnh trong vận động	- Tung bóng cho cô. - Bắt và tung bóng với cô bằng hai tay, - Tập đập bắt bóng với cô. - Đập và bắt bóng 3 lần liên tiếp (bóng 18cm) - Tung bóng lên cao bằng hai tay.

	7	Phát triển, rèn luyện cho trẻ các nhóm cơ bắp của tay và sự phối hợp vận động và các giác quan	- Ném xa bằng một tay. - Ném xa bằng hai tay. - Ném trúng đích bằng một tay. - Ném - chạy theo trò chơi “Thi xem ai ném xa nhất”
	8	- Phát triển sự nhanh nhẹn, khéo léo và phối hợp vận động-các giác quan.	- Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng ngang. - Chuyển bắt bóng hai bên theo hàng dọc. - Lăn bóng theo trò chơi “ cho bạn cho tôi”.
	9	Các loại cử động của bàn tay, ngón tay, cổ tay.	- Vỗ tay, vỗ tay, co duỗi, đan tay, xoa tay - Lắp ráp các hình, xâu luồn các hạt, lật sách, chồng tháp, ghép hình, đóng mở nắp chai - Cuộn, vò, xé giấy, vẽ tự do, sử dụng kéo - Rửa tay, lau tay, lau mặt, rót nước, chăm sóc cây, vật nuôi... - Mặc quần, mặc áo, cài, cởi cúc áo. dưới sự giúp đỡ của người lớn. Đóng mở cửa...
	10	- Trẻ có thói quen tốt trong việc giữ gìn vệ sinh cá nhân vệ sinh môi trường sạch sẽ.	- Rèn luyện thói quen tốt về vệ sinh cá nhân, đi vệ sinh đúng nơi qui định... biết giữ gìn vệ sinh môi trường
	11	- Biết không đi theo người lạ	- Giáo dục trẻ không theo người lạ mặt ra khỏi trường, biết xin phép cô khi đi ra ngoài. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: Có người lạ bế ẵm, rủ đi chơi...
	12	- Biết một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.	- Biết tên ba mẹ, người thân gần gũi, biết số nhà, số điện thoại để nhờ người giúp đỡ khi bị lạc đường.
	13	- Biết mặc trang phục phù hợp thời tiết.	- Trẻ biết mặc quần áo ấm, mang vớ khi trời lạnh, biết mặc quần áo mát khi trời nóng nực, trời mưa biết mặc áo mưa, đội nón, che dù khi trời nắng.
	14	- Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.	- Thói quen rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện thao tác rửa tay đúng cách theo 6 bước. - Rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn,

			sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. Giữ gìn vệ sinh cá nhân
	15	- Kể được tên một số món ăn hàng ngày	- Nói được các bữa ăn trong ngày và một số món ăn hằng ngày ở trường, ở nhà. - Kể tên những món ăn mà trẻ biết, trẻ thích. - Biết các loại thức ăn để cơ thể mau lớn, khỏe mạnh.
	16	- Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.	- Tránh những vật nhọn sắc như dao, nĩa, đinh que, ổ điện, bàn ủi nóng v.v.. Những nơi nguy hiểm như: hồ, bếp, sàn nước, phải có người lớn đi cùng - Biết bảo vệ sức khỏe không chơi những vật dụng gây nguy hiểm đến tính mạng.
	17	- Có kỹ năng ăn uống các loại trái cây	- Trẻ biết bỏ hạt khi ăn một số loại quả như: dưa hấu, măng cầu, nhãn, chôm chôm, cam, quýt..., không dùng dao để cắt trái cây mà phải nhờ người lớn giúp.
	18	- Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe.	- Biết và không uống nhiều nước ngọt, ăn nhiều đồ ngọt dễ sâu răng. - Biết và không uống các loại nước quá lạnh sẽ dễ bị ho.
	19	Biết mỗi nguy hiểm khi chọc hoặc chơi gần chó mèo lạ, cẩn thận khi tiếp xúc với những con vật dữ.	- Biết cách tránh các hành động gây nguy hiểm như chọc phá các con vật nuôi để giữ an toàn cho bản thân mình.
	20	- Trẻ biết giữ an toàn khi tham gia giao thông	- Biết ngồi xe máy phải đội nón bảo hiểm, vịn tay, ngồi xe hơi không thò đầu ra ngoài...
Phát triển nhận thức	21	- Nhận xét về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Tên gọi, đặc điểm bên ngoài, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - So sánh sự giống-khác nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. - Tên gọi, đặc điểm và công dụng của đồ dùng đồ chơi. - So sánh sự giống-khác nhau của 2-3 đồ dùng, đồ chơi
	22	- Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật.	- Quá trình phát triển của cây, con vật. - Quan sát mối liên hệ đơn giản giữa cây cối, con vật với môi trường sống. - Cách chăm sóc, bảo vệ cây cối, con

			vật quen thuộc.
	23	- Nhận biết được sự cần thiết của nước.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Trẻ biết có các loại nước, nước uống và nước sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây cối. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.
	24	- Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
	25	- Làm thử nghiệm đơn giản, dự đoán, quan sát, so sánh kết quả.	- Không khí, các nguồn ánh sáng, nước và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, đồ vật...
	26	- Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.
	27	- Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1-2 dấu hiệu. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu
	28	- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	- Mối quan hệ về thời tiết - Mối quan hệ giữa thực vật, động vật và môi trường sống.
	29	- Biết được một số đặc điểm nổi bật của mùa xuân, mùa hè.	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm nổi bật của mùa + Mùa xuân: Nhiều hoa nở, có ngày Tết cổ truyền. + Mùa hè: Nắng nóng, mưa nhiều, có hoa phượng nở, ve kêu.
	30	- Có một số hiểu biết ban đầu về một số khái niệm sơ đẳng về toán.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Nhận biết 1 và nhiều - Nhận biết sự giống và khác nhau giữa 2 nhóm đối tượng bằng kỹ năng xếp tương ứng.

	31	- Biết so sánh kích thước các đối tượng.	- So sánh kích thước 2 đối tượng: To-nhỏ, cao- thấp, dài-ngắn. - Đặt cạnh, đặt chồng, đặt kề các đối tượng và diễn đạt kết quả. - So sánh các đối tượng trong thực tế.
	32	- Xác định được vị trí: trên, dưới, trước, sau của một vật so với một vật khác; phải, trái của bản thân	- Xác định vị trí của đồ vật: phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới so với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn; phía phải - phía trái so với bản thân trẻ.
	33	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi
	34	- Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)	- So sánh sự khác - giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
	35	-Sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	-Đo độ dài 1 vật bằng 1 đơn vị đo. -Đo dung tích bằng 1 đơn vị đo
	36	- Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
	37	-Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật.	-Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ (phía trên-phía dưới; phía trước-phía sau; phía phải-phía trái)
	38	- Biết họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - Biết họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Biết địa chỉ của gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. - Địa chỉ của gia đình mình (số nhà, xã phường đang ở).
	39	-Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	-Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.
	41	- Biết tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Tên, địa chỉ của trường, lớp.
	42	- Biết tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi trò chuyện.	- Tên, công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.
	43	- Biết tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ, tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường

	44	- Biết tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
	45	- Biết tên và một vài hoạt động của một số ngày lễ hội.	- Ngày Tết trung thu, ngày Tết cổ truyền, ngày sinh nhật .
	46	-Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm, ích lợi của một số nghề của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	-Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
Phát triển ngôn ngữ	47	-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
	48	-Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	-Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
	49	-Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	-Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ Ở đâu?”, “ Khi nào?”, “Để làm gì?”
	50	-Sử dụng được các loại câu đơn, câu mở rộng.	-Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.
	51	-Kể lại được sự việc đơn giản.	-Kể lại sự việc có tình tiết đơn giản. diễn ra của bản thân như : thăm ông bà, đi chơi, xem phim
	52	-Đọc thuộc bài thơ, đồng dao, ca dao ..	-Đọc thơ, ca dao, đồng dao, hò vè, tục ngữ.
	53	-Kể chuyện đơn giản đã được nghe và có sự giúp đỡ của người lớn.	-Kể lại chuyện đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.
	54	-Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện.	-Đóng vai theo lời dẫn chuyện của GV
	55	-Sử dụng các từ như “ vâng ạ”, “ dạ”, “ thưa” trong giao tiếp.	-Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.
	56	-Điều chỉnh giọng nói phù hợp khi được nhắc nhở.	-Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.

	57	-Chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
	58	-Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	-Đọc truyện qua các trang vẽ.
	59	-Cầm sách đúng chiều và lật từng trang để xem tranh ảnh. “ Đọc” sách theo tranh minh họa (đọc vệt)	-Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.
	60	-Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nguy hiểm	-Làm quen với 1 số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường dành cho người đi bộ...)
	61	-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	62	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ. -Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lăng Bác.
	63	-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	64	-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường)
	65	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	66	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
	67	-Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc. Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.

			- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.
Phát triển thẩm mỹ	68	- Hát tự nhiên, hát được theo bài hát quen thuộc.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần (nhạc thiếu nhi, dân ca)
	69	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhạc, bài hát. - Vận động minh họa theo bài hát trong chương trình.
	70	- Sử dụng các kỹ năng tạo hình đơn giản để tạo ra sản phẩm.	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo thành các sản phẩm có 1 khối, nhiều khối. - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.
	71	- Cắt theo đường vẽ sẵn.	- Cắt theo đường thẳng vẽ sẵn. - Cắt theo ý thích.
	72	- Rèn cho trẻ kỹ năng tạo hình.	- Rèn cho trẻ kỹ năng tô màu, cách cầm bút tô đúng.
	73	- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Trẻ biết quan sát nhìn xem các sản phẩm và nhận xét theo ý kiến của mình.
	74	- Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp	- Trẻ ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống, đồ dùng đồ chơi. - Mong muốn tạo ra cái đẹp.
	75	Bộc lộ cảm xúc trước âm thanh và tác phẩm nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
	76	Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.
	77	Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn,	- Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo

		cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	thành bức trang đơn giản. -Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.. -Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp để tạo các sản phẩm có hình 1 khối, nhiều khối.
	78	-Hát tự nhiên hát theo bài hát quen thuộc. - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	-Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, các bản nhạc gần gũi (dân ca, nhạc thiếu nhi) - Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc theo từng chủ đề
	79	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	Cháu tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích từng của mình
Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội	80	-Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên ba mẹ.	-Tên, tuổi, giới tính của bản thân, ba mẹ.
	81	-Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	-Sở thích, khả năng của bản thân.
	82	-Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi)	-Hoàn thành công việc được giao.
	83	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh ảnh....	-Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh) - Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.
	84	-Biết biểu lộ 1 số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	-Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
	85	-Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. -Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	-Kính yêu Bác Hồ. -Các hình ảnh của Bác Hồ với các cháu thiếu nhi. lắng Bác.
	86	-Biết 1 vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước.	-Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.
	87	-Thực hiện được 1 số qui định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi qui định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà cha mẹ.	-Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường) - sau khi chơi xếp đồ chơi không tranh

			giành đồ chơi , vâng lời bố mẹ
	88	-Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	-Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép.
	89	-Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	-Lắng nghe cô và bạn nói.
	90	-Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	-Chờ đến lượt, hợp tác.
	91	-Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	-Phối hợp, thỏa thuận với bạn khi chơi, làm nhiệm vụ.
	92	-Có thói quen bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày	-Tiết kiệm điện, nước. -Bỏ rác vào thùng rác. -Giữ vệ sinh môi trường -Bảo vệ chăm sóc cây cảnh và con vật.

**PHẦN III: CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ
1/NHÀ TRẺ:**

Stt	Thời gian	Chủ đề	Dự kiến chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
Ôn định Từ ngày 8/9/2025				
1	Từ 15/9-17/10/2025	Bé làm quen với trường MN (5 tuần)	Bé đi học	15/9 - 19/9/2025
			Bạn của bé	22/9 - 26/9/2025
			Đồ chơi của bé	29/9 - 03/10/2025
			Bé đón Trung Thu	6/10 - 10/10/2025
			Các bác, các cô trong trường mầm non	13/10 - 17/10/2025
2	Từ 20/10 - 14/11/2025	Gia đình của bé (4 tuần)	Ba, mẹ của bé <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép 20/10.</i>	20/10 - 24/10/2025
			Những người thân của bé	27/10 - 31/10/2025
			Đồ dùng cá nhân của bé	03/11 - 7/11/2025
			Đồ dùng trong gia đình bé	10/11 - 14/11/2025
		Bản thân	Các bộ phận trên cơ thể bé <i>Thứ 5 ngày 20/11 lồng ghép</i>	17/11 - 21/11/2025

3	Từ 17/11- 12/12/2025	(4 tuần)	<i>ngày nhà giáo VN</i>	
			Bé giữ vệ sinh cơ thể	24/11 - 28/11/2025
			Bé làm quen một số việc tự phục vụ	01/12 - 05/12/2025
			An toàn cho bản thân bé	8/12 - 12/12/2025
4	Từ 15/12- 09/01/2026	Các loài quả (4 tuần)	Những quả có vị ngọt	15/12 - 19/12/2025
			Những quả có vị chua <i>Thứ 2 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 4 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22/12 - 26/12/2025
			Các loại quả tròn <i>Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch.</i>	29/12 - 02/01/2026
			Các loại quả dài	5/01 - 9/01/2026
5	Từ: 12/01– 06/02/2026	Các loài rau (4 tuần)	Các loại rau ăn lá	12/01 - 16/01/2026
			Các loại rau ăn quả	19/01 - 23/01/2026 HK II
			Các loại rau ăn củ	26/01 - 30/01/2026
			Dinh dưỡng của các loại rau	02/02 - 6/02/2026
6	Từ: 09/02 – 6/03/2026	Các loài hoa (3 tuần)	Những loại hoa ngày tết	9/02 - 13/02/2026
<i>Nghỉ tết nguyên đán:1 tuần (16/02 - 20/02/2026)</i>				
			Những loại hoa cánh tròn	23/02 - 27/02/2026
			Những loại hoa cánh dài <i>Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.</i>	02-6/03/2026
7	Từ: 9/03 – 03/4/2026	Những con vật đáng yêu (4 tuần)	Con vật thuộc nhóm gia cầm	9/03 - 13/03/2026
			Con vật thuộc nhóm gia súc	16/03 - 20/03/2026
			Bé biết con gì sống trong rừng.	23/03 - 27/03/2026
			Bé biết con gì sống dưới	30/03 -

			nước	03/04/2026
8	Từ: 6/04-01/5/2026	Phương tiện giao thông (4 tuần)	PT giao thông đường bộ	6/04 - 10/04/2026
			PT giao thông đường sắt	13/4 - 17/4/2026
			PT giao thông đường thủy	20/4 - 24/4/2026
			30/4 ngày giải phóng Miền Nam -1/5 quốc tế lao động.	27/4 - 01/05/2026
			Phương tiện giao thông đường hàng không	4/5 - 8/5/2026
9	Từ 4/5-22/5/2026	Bé đón mùa hè (3 tuần)	Mùa hè đến rồi!	11/5 - 15/5/2026
			Ngày hè vui vẻ	18/5 -22/5/2026
			Bé vào lớp mầm <i>Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép sinh nhật Bác.</i>	25/5 -29/5/2026

***KHỎI MẦM**

Stt	Thời gian	Chủ đề	Dự kiến chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện
Ôn định Từ ngày 8/9/2025				
1	Từ 15/9 - 10/10/2025	Trường mầm non của bé (4 tuần)	Bé vui đón năm học mới	15/9 - 19/9/2025
			Lớp học của bé	22/9 - 26/9/2025
			Trường mầm non của bé	29/9 - 03/10/2025
			Công việc của người lớn trong trường Mầm Non <i>-Thứ 6 lồng ghép trung thu</i>	6/10 - 10/10/2025
2	Từ 13/10 - 7/11/2025	Gia đình thân yêu của bé (4 tuần)	Bé với các thành viên trong gia đình	13/10 - 17/10/2025
			Ngôi nhà thân yêu <i>Thứ 2 ngày 20/10 lồng ghép ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10</i>	20/10 - 24/10/2025
			Gia đình bé cần những đồ dùng nào ?	27/10 - 31/10/2025
			Bé làm gì để an toàn khi ở nhà?	03/11 - 7/11/2025
			Bé và những người bạn	10/11 - 14/11/2025

3	Từ 10/11 - 5/12/2025	Bản thân của bé (4 tuần)	Sự khác biệt giữa tôi với bạn <i>Thứ 5, ngày 20/11 lồng ghép ngày nhà giáo Việt Nam .</i>	17/11 - 21/11/2025
			Thực phẩm giúp bé thông minh và khỏe mạnh	24/11 - 28/11/2025
			Bé yêu thể thao	01/12 - 05/12/2025
4	Từ 08/12 - 02/01/2025	Thế giới Thực vật (4 tuần)	Bé yêu cây xanh	8/12 - 12/12/2025
			Các loại hoa trong sân trường	15/12 - 19/12/2025
			Cây nào cho quả <i>Thứ 2 lồng ghép ngày thành lập quân đội nhân dân VN. Thứ 4 ngày 24/12 lồng ghép Lễ Giáng sinh</i>	22/12 - 26/12/2025
			Bé biết những loại rau nào? <i>Thứ 5 ngày 1/1 nghỉ tết dương lịch</i>	29/12 - 02/01/2026
5	Từ 05/012025- 23/01/2026	An toàn giao thông (3 tuần)	Bé biết những phương tiện giao thông nào?	5/01 - 9/01/2026
			Một số biển báo, luật giao thông đơn giản	12/01 - 16/01/2026
			Bé tham gia giao thông an toàn	19/01 - 23/01/2026 HK II
6	Từ 26/01- 13/02/2026	Tết và mùa xuân (3 tuần)	Mùa xuân đã về	26/01 - 30/01/2026
			Bé cùng gia đình chuẩn bị đón tết	02/02 - 6/02/2026
			Phong tục truyền thống trong ngày Tết	9/02 -13/02/2026
Nghỉ tết nguyên đán:1 tuần (16/02 - 20/02/2026)				
7	Từ 23/02 – 27/03/2026	Thế giới động vật (5 tuần)	Một số con vật thuộc nhóm gia cầm	23/02 - 27/02/2026
			Một số con vật thuộc nhóm gia súc <i>Thứ 3 lồng ghép lễ hội chùa bà quê em. Thứ 6, lồng ghép ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.</i>	02-6/03/2026

			Động vật rừng xanh	9/03 - 13/03/2026
			Côn trùng quanh bé	16/03 - 20/03/2026
			Một số loài cá	23/03 - 27/03/2026
8	Từ 30/3/ - 10/04/2026	Hiện tượng thiên nhiên (3 tuần)	Nước và các hiện tượng tự nhiên	30/03 - 03/04/2026
			Bé biết gì về mùa hè	6/04 - 10/04/2026
9	Từ 13/04 - 8/05/ 2026	Một số ngành nghề quen thuộc (4 tuần)	Bố mẹ bé làm nghề gì ?	13/4 - 17/4/2026
			Chú bộ đội, chú công an	20/4 - 24/4/2026
			-Giỗ tổ Hùng Vương -30/4 ngày giải phóng Miền Nam -1/5 quốc tế lao động.	27/4 - 01/05/2026
			Nghề truyền thống ở địa phương	4/5 - 8/5/2026
			Lớn lên bé thích làm nghề gì ?	11/5 - 15/5/2026
10	Từ 11/ 05 - 22/05/2026	Bác Hồ (2 tuần)	Bác Hồ của em	18/5 -22/5/2026
			Bác Hồ với các cháu thiếu niên nhi đồng <i>Thứ 3, ngày 19/5 lồng ghép sinh nhật Bác.</i>	25/5-29/5/2026

PHẦN IV: LỊCH SINH HOẠT MỘT NGÀY
1/NHÀ TRẺ:

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRẺ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĐIỂM DANH - ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG CHƠI TẬP CÓ CHỦ ĐÍCH				
	VẬN ĐỘNG	NBTN	TH	NBPB	CHUYỆN (THO)
			GDAN		

8h30 – 8h50	UỐNG SỮA				
8h50 – 9h20	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				
9h20 – 10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h00 – 10h15	VỆ SINH				
10h15 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 14h00	ĂN XE				
14h00 – 14h20	CHƠI THEO Ý THÍCH				
14h20 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	HDTC	CHƠI THEO Ý THÍCH	HDTC	ÔN LUYỆN	CHƠI THEO Ý THÍCH
14h50 – 15h30	VỆ SINH- ĂN CHIỀU				
15h30 – 15h45	VỆ SINH				
15h45-16h00	TUYÊN DƯƠNG				
16h00 – 17h00	TRẢ TRỄ				

*** KHÔI MÀM:**

THỜI GIAN	THỨ 2	THỨ 3	THỨ 4	THỨ 5	THỨ 6
7h00 – 7h15	ĐÓN TRỄ				
7h15 – 7h30	THỂ DỤC SÁNG				
7h30 – 8h00	ĂN SÁNG				
8h00 – 8h30	HOẠT ĐỘNG GIỜ HỌC				
	GDAN	TH	LQVT	TDGH	LQVH (PTNN)
		HĐKP			
8h30 – 8h50	UỐNG SỮA				
8h50 – 9h20	HOẠT ĐỘNG NGOÀI TRỜI				

9h20 – 10h00	HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI				
10h00 – 10h30	VỆ SINH				
10h30 – 11h20	ĂN TRƯA				
11h20 – 13h40	NGỦ TRƯA				
13h40 – 13h50	VỆ SINH – ĂN XE				
13h50 – 14h10 14h10 – 14h50	HOẠT ĐỘNG CHIỀU				
	TTVS Ngoại khóa (TDNĐ) (14h10-14h50)	HDTC Ngoại khóa (AV) (14h10-14h50)	Bé nhận biết và LQCC Ngoại khóa (TDNĐ) (14h10-14h50)	THNTH Ngoại khóa (AV) ((14h10-14h50)	SHTT LĐTT
14h50 – 15h35	VỆ SINH- ĂN CHIỀU				
15h35 – 16h00	NÊU GƯƠNG				
16h00 – 17h00	TRẢ TRẺ				

Ngày 26 tháng 8 năm 2025

Duyệt PHT.CM



Nguyễn Hồng Thanh

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổ trưởng chuyên môn

Trần Thụy Kiều Loan

